

Phụ lục IV / Appendix IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN / ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/ 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
GIÁO DỤC TRÍ VIỆT**

Số: 184 /2023/BC-TV

No: 184 /2023/BC-TV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2023

Ha noi, month 04 day 18 year 2023

BÁO CÁO / ANNUAL REPORT
Thường niên năm 2022 / Year 2022

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- The State Securities Commission;
- The Hanoi Stock Exchange.

I. Thông tin chung / General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.: 0106182582
- Vốn điều lệ/Charter capital: 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng chẵn)
- Địa chỉ/Address: A15, tầng 1, tòa nhà Home City, số 177 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại/Telephone: 0338682188
- Số fax/Fax:
- Website: <https://trivietgroup.edu.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): CAR

- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

Tiền thân của Công ty là Công ty Cổ phần đào tạo Trẻ tài năng Việt Nam được thành lập từ năm 2010.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt ra đời và thành lập ngày 20/05/2013.

Công ty được UBCKNN chấp thuận đăng ký là công ty đại chúng ngày 13/04/2022.

Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch ngày 24/06/2022.

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt giao dịch đầu tiên trên thị trường Upcom ngày 13/07/2022.

- Các sự kiện khác/ Other events:

Công ty là đối tác chiến lược của tập đoàn giáo dục FasTracKids Hoa Kỳ năm 2009.

Trở thành đối tác độc quyền của FasTracKids Hoa Kỳ tại Việt Nam; thành lập và xây dựng hệ thống giáo dục kỹ năng sống Cara tiêu chuẩn quốc tế trên cả nước năm 2018.

Khai trương và đi vào hoạt động Công viên giáo dục trải nghiệm Pandora; thành lập Viện Nghiên cứu Ứng dụng Tâm lý Giáo dục Việt Nam năm 2019.

Khai trương và đi vào hoạt động khu Giáo dục "Trải nghiệm về nguồn - ATK Thủ đô gió ngàn" Tháng 4/2022.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years):

Đại lý, môi giới, đấu giá;

Bán buôn thực phẩm;

Bán buôn đồ uống;

Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;

Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;

Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính;

Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;

Hoạt động tư vấn quản lý;

Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;

Quảng cáo;

Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;

Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;

Giáo dục tiểu học;

Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Giáo dục nghề nghiệp;

Đào tạo cao đẳng;

Đào tạo đại học và sau đại học;

Giáo dục thể thao và giải trí;

Giáo dục văn hoá nghệ thuật;

Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; và

In ấn.

Hoạt động chính của Công ty là các loại hình giáo dục và đào tạo.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*) bao gồm:

Hệ thống giáo dục kỹ năng sống CARA tại Hà Nội: CARA Mỹ Đình, CARA Trung Kính, CARA Thanh Xuân.

Hệ thống schooling 17 trường học tại Hà Nội.

Công viên giáo dục trải nghiệm Pandora tại Cổ Loa - Đông Anh - Hà Nội.

Khu di tích lịch sử - sinh thái ATK Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc /*General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director*.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*:

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*): Không có.

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company*:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt là tổ chức chuyên về đầu tư vào các dự án đào tạo; nghiên cứu, xây dựng và phát triển các sản phẩm/dịch vụ đào tạo về kỹ năng, làm giàu kiến thức, nghệ thuật cho trẻ em Việt Nam trên cơ sở áp dụng các công nghệ mới nhất vào việc xây dựng chương trình đào tạo và tham khảo nội dung, phương pháp giáo dục tiên tiến của các quốc gia có nền giáo dục phát triển.

Trí Việt mong muốn được góp phần vào việc triển khai các chương trình giáo dục đào tạo hiện đại cho học sinh Việt Nam trên cơ sở tiếp thu các công nghệ, phương pháp và nội dung tiên bộ của các nước có nền giáo dục tiên tiến khác.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*:

Với khát vọng tiên phong trong lĩnh vực đầu tư, nghiên cứu xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo, sản phẩm đào tạo chất lượng cao với phương pháp hiện đại, hiệu quả, mới mẻ cho học sinh Việt Nam, Trí Việt phấn đấu trở thành Tập đoàn Giáo dục Đào tạo hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực giáo dục kỹ năng sống, làm giàu kiến thức cho trẻ em. Trí Việt muốn xây dựng một thương hiệu Việt thể hiện trí tuệ của người Việt.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*:

Đối với thị trường: Cung cấp các sản phẩm – dịch vụ đào tạo chất lượng cao phù hợp với xu thế chung, nhu cầu học tập của học sinh Việt Nam trong thời đại hội nhập.

Đối với cổ đông và đối tác: Cùng nhau hợp tác, phát triển trên cơ sở "Win – Win", trong đó đề cao sự hợp tác, phát triển bền vững.

Đối với nhân viên: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn; tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên.

Đối với xã hội: Thể hiện mong muốn hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với các lợi ích xã hội thông qua việc định hướng hoạt động và đóng góp vào các hoạt động cộng đồng với tinh thần trách nhiệm và niềm tự hào của người Việt.

5. Các rủi ro/Risks: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks):

STT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro
I	Rủi ro chiến lược	
1	Rủi ro về môi trường kinh tế toàn cầu	Việc không nhanh chóng thích nghi với những thay đổi về kinh tế và xã hội toàn cầu dẫn tới những ảnh hưởng bất ngờ cho Công ty trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh.
2	Rủi ro thiên tai, dịch bệnh	Đại dịch COVID-19 đã làm đảo lộn và tàn phá tất cả các lĩnh vực của đời sống, trong đó giáo dục và đào tạo là lĩnh vực chịu ảnh hưởng rất nặng nề. Kế hoạch năm học bị đứt đoạn, chương trình và nội dung giáo dục phải thay đổi theo hướng chỉ còn phần cốt lõi. Việc học tập trực tuyến trong điều kiện hạ tầng còn nhiều khó khăn, thiếu thốn đã gây ra nhiều hệ lụy và ảnh hưởng tiêu cực. Học sinh căng thẳng, mệt mỏi, thầy cô cực nhọc và áp lực, phụ huynh bức xúc, xã hội lo lắng.
3	Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro đánh mất lợi thế cạnh tranh do nhiều đơn vị bạn tham gia kinh doanh cả về số lượng và mức độ cạnh tranh.
4	Rủi ro chính trị	Rủi ro xảy ra khi có thay đổi bất lợi về chính trị ở các nước gây cản trở hoạt động và các quyết định kinh doanh.
5	Rủi ro luật pháp	Rủi ro thay đổi và điều chỉnh văn bản pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những kết quả không mong đợi ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của Công ty.
6	Rủi ro truyền thông	Rủi ro mất danh tiếng hoặc thông tin bất lợi, không chính xác bị phát tán trên phương tiện thông tin đại chúng mà không kịp xử lý.
7	Rủi ro nhân sự	Rủi ro nhân sự chủ chốt bị thiếu hoặc trống trong một khoảng thời gian bắt buộc.
8	Rủi ro triển khai kế hoạch kinh doanh	Rủi ro triển khai không thành công kế hoạch kinh doanh của sản phẩm mới có thể ảnh hưởng tới uy tín và kết quả kinh doanh của Công ty.
II	Rủi ro hoạt động	
1	Rủi ro hoạt động của ngành giáo dục	Rủi ro cạnh tranh rất mạnh trong tất cả các phân khúc, từ phổ thông, đại học, tới giáo dục thường xuyên. Những năm gần đây có nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào thị trường này với tiềm lực tài chính mạnh và kinh nghiệm quản trị quốc tế. Các doanh nghiệp "nhỏ con" trong nước khó mà địch lại được, trừ phân khúc cao đẳng, đại học. Rủi ro chính sách, do ngành này là ngành có nhiều loại giấy phép con, chịu sự quản lý của Chính phủ, tới bộ, sở, thậm chí phòng giáo dục của quận, huyện. Gần đây, việc điều hành chính sách về giáo dục của Nhà nước có thông thoáng hơn, nhưng vẫn còn có bất cập. Rủi ro cạnh tranh với khu vực giáo dục công không dễ vì cơ sở vật chất được Nhà nước đầu tư và bao cấp kinh phí hoạt động hằng năm, dù vấn đề này đang "dễ thở" hơn vì xu thế xóa bỏ bớt bao cấp trong giáo dục.

STT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro
		Rủi ro khuynh hướng dân số đang già đi. Yếu tố này ảnh hưởng chậm nhưng dài hạn và rất rõ ràng.
		Rủi ro khan hiếm nguồn giáo viên có chất lượng cao nên mở rộng quy mô rất khó khăn. Đối với nguồn giáo viên nước ngoài thì chất lượng cũng là vấn đề phải quan tâm. Đó là chưa kể tính tuân thủ và sự ổn định lâu dài của một bộ phận lớn giáo viên nước ngoài vì họ quan niệm chỉ làm một vài năm rồi đi. Điều này đặc biệt rõ trong nhóm giáo viên dạy Anh ngữ.
		Rủi ro thị trường còn mới nên phụ huynh cũng như học sinh khó đánh giá sự khác biệt về chất lượng giữa các đơn vị cung cấp giáo dục.
III	Rủi ro tài chính	
1	Biến động tỷ giá	Những biến động trong tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2	Rủi ro lãi suất	Rủi ro lãi suất tăng cao làm tăng chi phí lãi vay, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc* - Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years*:

Tình hình tài chính:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2022	Kết quả năm 2021	Tỷ lệ % tăng trưởng
1	Tổng tài sản	47.873.818.370	39.485.128.528	121%
2	Nợ phải trả	8.808.457.515	4.458.220.607	198%
3	Vốn chủ sở hữu	39.065.360.855	35.026.907.921	112%
4	Doanh thu thuần	29.812.631.077	11.262.167.388	265%
5	Lợi nhuận trước thuế	5.048.941.168	702.261.226	719%
6	Lợi nhuận sau thuế	4.038.452.934	601.481.670	671%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2022:

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ % Thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu thuần	28.750.000.000	29.812.631.077	103,70%
2	Lợi nhuận trước thuế	3.200.000.000	5.048.941.169	157,78%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.560.000.000	4.038.452.934	157,75%

(Nguồn: Báo cáo tài chính 2022 đã được kiểm toán)

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2022, nền kinh tế nói chung và ngành giáo dục nói riêng đang dần hồi phục với sự tăng trưởng và nhu cầu rèn luyện kỹ năng cho trẻ sau những ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid đến hầu hết các hoạt động của nền kinh tế. Tuy nhiên, với sự nỗ lực và đồng lòng của tập thể Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Trí Việt dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban điều hành đã không ngừng phấn đấu đem đến những giá trị cho xã hội và nền giáo dục, đạt được kết quả ấn tượng năm 2022 vượt trội so với năm trước.

2. Tổ chức và nhân Sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/List of the Board of Management: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers. - Những thay đổi trong ban điều hành/changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (List the changes in the Board of Management in the year).

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /	Số cổ phiếu CAR sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu CAR cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period
1	Đào Đức Việt	04/02/1981	Thạc sĩ	10/5/2022 - Tổng Giám đốc	97.700	3,05%
2	Nguyễn Thùy Thương	03/12/1983	Thạc sỹ	10/05/2022 - Miễn nhiệm Tổng Giám đốc	804.500	25,14%
3	Đào Thị Thanh Hà	26/05/1981	Thạc sĩ	01/6/2018 - Phó Tổng Giám Đốc	158.000	4,94%

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 77 người (tại ngày 31/12/2021 là: 22 người; tại ngày 31/12/2020 là: 53 người).

Công ty luôn đảm bảo chính sách cho người lao động theo đúng quy định Luật lao động và Quy định Điều lệ/Chính sách Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced yand committed targets: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies): Không có

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

Chi tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2021	Năm/ Year 2022	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	39.485.128.528	47.873.818.370	121%
Doanh thu thuần/Net revenue	11.262.167.388	29.812.631.077	265%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities	1.156.637.928	5.052.046.368	437%
Lợi nhuận khác/Other profits	(454.376.702)	(3.105.200)	
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	702.261.226	5.048.941.168	719%
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	601.481.670	4.038.452.934	671%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	188	1.262	671%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio			
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/Total asset value			
Doanh thu/Revenues			
Thuế và các khoản phải nộp/Taxes and payables			
Lợi nhuận trước thuế/Before tax profit			
Lợi nhuận sau thuế/After tax profit			

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years). Không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

Chi tiêu/ Indicators	Năm/ Year 2021	Năm/ Year 2022	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	147%	147%	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset - Inventories Short term Debt	147%	142%	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	11%	18%	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	13%	23%	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	4752%	9214%	
+ Vòng quay tổng tài Sản/ <i>Total asset turnover</i> : Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)	28%	68%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	5%	14%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	1,7%	10,3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	1,5%	8,4%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)	10%	17%	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bankfinancial institutions:

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ <i>Year 2021</i>	Năm/ <i>Year 2022</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Quy mô vốn/ <i>Capital size</i>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i>			
Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
Nợ quá hạn/ <i>Overdue debts</i>			
Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/ <i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>			

Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/Overdue debts/ Total debt Ratio			
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/Bad debt/ Total debt Ratio			
3. Khả năng thanh khoản/Solvency			
Khả năng thanh toán ngay/ Short term solvency			
Khả năng thanh toán chung/ General solvency			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/ Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries:

Tổng số cổ phần đang lưu hành : 3.200.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành : cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.200.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages:

STT	Cơ cấu cổ đông	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn	63,36%
2	Cổ đông nhỏ	36,64%
3	Cổ đông tổ chức	38,22%
4	Cổ đông cá nhân	61,78%
5	Cổ đông trong nước	100%
6	Cổ đông nước ngoài	0%
7	Cổ đông nhà nước	0%
8	Các cổ đông khác	0%
9	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	0%

(Theo số liệu chốt danh sách cổ đông 21/11/2022)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán,

đơn vị cấp)/specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties: Không có.

e) Các chứng khoán khác/Other securities: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ Measures and initiatives to reduce GHG emission. Không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year: Không có.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/Energy consumption - directly and indirectly: Không có.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/Energy savings through initiatives of efficiently using energy: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used: Không có.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ Percentage and total volume of water recycled and reused: Không có.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 77 người.

Mức lương trung bình đối với người lao động: 10.000.000 VNĐ/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

STT	Phân loại	Số giờ đào tạo TB năm
1	Khởi giáo viên	192
2	Khởi tư vấn	192
3	Khởi văn phòng	96

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development:* Công ty triển khai các chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu, nâng cao kiến thức và kỹ năng cho CBNV.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc / Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any) - Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.*

Năm 2022 là năm ngành Giáo dục tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 suốt gần 3 năm liên tiếp. Trong bối cảnh khó khăn chung của cả nước, ngành Giáo dục vừa chống dịch vừa kiên quyết mở trường học và thực hiện các biện pháp an toàn để mở cửa trường học trên toàn bộ 63 tỉnh/thành phố. Đến thời điểm tháng 4/2022, việc mở cửa trường học và các hoạt động trong nhà trường đã được trở lại bình thường. Mở cửa trường học và đưa học sinh quay trở lại trường học là quyết tâm lớn của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của ngành Giáo dục. Cùng với việc mở cửa trường học là rất nhiều việc đã và đang được ngành Giáo dục triển khai

nhằm củng cố những chỗ hỏng kiến thức, kỹ năng, hạn chế đến mức thấp nhất tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với chất lượng giáo dục. Những việc này có thể phải mất nhiều năm, song ngành Giáo dục xác định sẽ kiên trì và quyết tâm giải quyết.

Năm 2022 cũng đánh dấu nhiều hoạt động, sự kiện quốc tế về giáo dục và đào tạo được tổ chức tại Việt Nam hoặc có sự tham gia tích cực của Việt Nam, qua đó cho thấy vai trò và nỗ lực của giáo dục Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Giáo dục kỹ năng sống, giáo dục STEAM nói riêng và trải nghiệm giáo dục nói chung là xu hướng phát triển của giáo dục trong tương lai. Tại các nước như Mỹ, Châu Âu hoặc nước Châu Á phát triển như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, mô hình học tập kiến thức truyền thống trong lớp học dần được thay thế bằng mô hình học tập trải nghiệm với các hoạt động thực tế, hướng tới vận động và thực hành, áp dụng thực tế các kiến thức vào các dự án khoa học và kỹ năng sống, kỹ năng thế kỷ 21 của học sinh được đưa lên hàng đầu trong mục tiêu đào tạo cho học sinh.

Năm 2022 với sự nỗ lực và đồng lòng của tập thể Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Trí Việt, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Ban điều hành đã không ngừng phấn đấu đem đến những giá trị cho xã hội và nền giáo dục, đạt được kết quả ấn tượng năm 2022 vượt trội so với năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 158% so với kế hoạch và đạt 671% so với kết quả năm 2021.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 5.696.952.231 VND (tại ngày 31/12/2021 là: 0 VND).

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 60.000.000 VND (tại ngày 31/12/2021 là: 60.000.0000 VND).

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng; tăng từ đầu năm **644.600.000** đến cuối năm **2.359.910.120**

- Phải thu khác: tăng từ đầu năm **755.172.572** đến cuối năm **1.002.369.472**

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts*; - Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

Tổng nợ phải trả biến động tăng từ đầu năm **4.458.220.607** đến cuối năm **8.808.457.515** trong đó doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn chiếm tỷ trọng nhiều nhất (đầu năm chiếm 45% và đến cuối năm chiếm tỷ trọng 49%). Không có nợ phải trả quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, and management*: Năm 2022, Công ty đang kiện toàn bộ máy nhân sự sau thời gian dịch covid để đảm bảo vận hành mọi hoạt động Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future:

Một số chỉ tiêu kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ trong năm 2023 được Ban Điều hành dự kiến như sau:

Chỉ tiêu	KH Năm 2023 (đồng)	% so với TH 2022
1. Tổng Doanh thu	48.500.000.000	163%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	9.500.000.000	188%
3. Tổng lợi nhuận sau thuế	7.600.000.000	188%

Các giải pháp cơ bản để thực hiện kế hoạch năm 2023:

- Nâng cao và mở rộng các sản phẩm, dịch vụ đi đôi với việc quản trị rủi ro.

- Lựa chọn, tuyển dụng nhằm bổ sung đội ngũ nhân sự có chất lượng, nhất là bộ phận tư vấn và đội ngũ giáo viên.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý với chức năng nhiệm vụ của các bộ phận nghiệp vụ phù hợp với sự phát triển của thị trường, hoàn thiện hệ thống quản lý theo mô hình OGSM, hệ thống trả lương gắn với hiệu quả kinh doanh áp dụng cơ chế lương, thưởng theo mức độ hoàn thành kế hoạch dành cho khối kinh doanh.
- Nâng cao vai trò của bộ phận quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ nhằm quản trị rủi ro hoạt động, tăng hiệu quả giám sát, kiểm soát đối với toàn bộ hoạt động của Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified): Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.): Công ty tuân thủ đúng quy định

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/Assessment concerning the labor issues: Công ty tuân thủ đúng quy định về chế độ chính sách với người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Assessment concerning the corporate responsibility for the local community.): Công ty tuân thủ đúng quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần) / Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities:

Để giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty, HĐQT đã sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định quản lý điều hành Công ty theo các quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện những thiếu sót để khắc phục tạo đà cho việc phát triển bền vững của Công ty, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, của đối tác và của người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance:

HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện, triển khai kịp thời có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông; thường xuyên báo cáo, trao đổi xin ý kiến HĐQT các vấn đề phát sinh trong việc triển khai điều hành sản xuất kinh doanh;

HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu kinh doanh tháng, quý; Triển khai theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc Công ty gửi các thành viên HĐQT hàng tháng và hàng quý.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors:

- HĐQT Công ty thống nhất đề ra kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty năm 2023 với mục tiêu lợi nhuận như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023 (VNĐ)	% tăng giảm so kế hoạch năm 2022
1	Doanh thu thuần	48.500.000.000	169%
2	Lợi nhuận trước thuế	9.500.000.000	297%
3	Lợi nhuận sau thuế	7.600.000.000	297%

- Tiếp tục chỉ đạo hoạt động kinh doanh của công ty phù hợp với các quy định của pháp luật, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả;
- Tiếp tục hoàn thiện các quy trình, quy định nhằm chuẩn hóa các mặt hoạt động của Công ty;
- Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng nhằm nâng tính cạnh tranh và gia tăng doanh thu cho Công ty;
- Tiếp tục duy trì công tác quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm soát đối với tất cả các mặt hoạt động của Công ty;
- Chỉ đạo Ban Điều hành bám sát các định hướng, kế hoạch của ĐHCĐ, HĐQT.

V. Quản trị công ty / Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(*The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies*).

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>		Số cổ phiếu CAR sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu CAR cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>		
1	Nguyễn Thủy Thương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	01/06/2018		804.500	25,14%
2	Đào Đức Việt	Thành viên Hội đồng Quản trị	29/04/2022		97.700	3,05%
3	Đào Thị Thanh Hà	Thành viên Hội đồng quản trị	01/06/2018	22/12/2022	158.000	4,94%
4	Lê Việt Đức	Thành viên Hội đồng quản trị (TVHĐQT độc lập)	22/12/2022		0	0%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*) : Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Nguyễn Thủy Thương	03/03	100%	
2	Đào Đức Việt	03/03	100%	

3	Đào Thị Thanh Hà	03/03	100%	
4	Lê Việt Đức	01/03	33%	Do mới được bầu từ 22/12/2022.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*): Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*: Không có.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán. <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Số cổ phiếu CAR sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu CAR cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>
1	Ông Hoàng Giang	Trưởng BKS	Bắt đầu: 15/03/2020 Kết thúc: 22/12/2022	Thạc sỹ tài chính	100	0,003%
2	Bà Phạm Thị Anh	Thành viên BKS	Bắt đầu: 15/03/2020 Kết thúc: 22/12/2022	Thạc sỹ tài chính	100	0,003%
3	Bà Vũ Thu Hằng	Thành viên BKS	Bắt đầu: 15/03/2020	Cử nhân kế toán	1.000	0,03%
4	Ông Phạm Minh Ngọc	Trưởng BKS	Bắt đầu: 22/12/2022	Cử nhân tài chính	0	0%
5	Bà Kiều Thị Phượng	Thành viên BKS	Bắt đầu: 22/12/2022	Cử nhân tài chính	0	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors/ Audit Committee's meetings, their contents and results*).

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Hoàng Giang	3/4	75%	100%	Lý do cá nhân
2	Bà Phạm Thị Anh	3/4	75%	100%	Lý do cá nhân
3	Bà Vũ Thu Hằng	4/4	100%	100%	
4	Ông Phạm Minh Ngọc	1/4	25%	100%	Do mới được bầu từ 22/12/2022.

5	Bà Kiều Thị Phương	1/4	25%	100%	Do mới được bầu từ 22/12/2022.
---	--------------------	-----	-----	------	--------------------------------

Nội dung hoạt động:

Ban kiểm soát (BKS) bao gồm ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra để thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2022, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Điều hành để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và khuyến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết tại CAR để góp phần tăng hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.

Về hoạt động điều hành của HĐQT:

- HĐQT nghiêm túc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- HĐQT ban hành các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.
- HĐQT thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc và các phòng, ban chức năng, đơn vị của Công ty điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh

Về tổ chức thực hiện của Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Tổng giám đốc triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chức năng phối hợp thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và cố gắng khắc phục các khó khăn, có những biện pháp điều hành sát sao để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Ban Tổng giám đốc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng phân cấp giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- Ban Tổng giám đốc tiếp tục rà soát thường xuyên các trung tâm nhằm đảm bảo việc triển khai được an toàn, chất lượng.
- Ban Tổng giám đốc làm việc thường xuyên với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh.
- Công tác nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn lực có nhiều chuyển biến tích cực.
- Tiền lương và chế độ chính sách: thực hiện chi trả lương và chế độ chính sách đúng các quy định, quy chế hiện hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Nonmaterial benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).

Thu nhập và thù lao hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Vị trí	Năm 2022	Năm 2021
1	Nguyễn Thủy Thương	Chủ tịch HĐQT	392.500.000	208.590.000
2	Đào Đức Việt	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	385.012.000	139.000.000
3	Đào Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	278.000.000	0

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng

Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons).*

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
1	Trịnh An Phong	Chồng	155.000	4,84%	0	0%	Chuyển nhượng tự do
2	Trịnh Văn Liêm	Bố chồng	155.000	4,84%	0	0%	Chuyển nhượng tự do
3	Dương Thị Nhan	Mẹ chồng	150.000	4,69%	0	0%	Chuyển nhượng tự do
4	Nguyễn Đức Thanh	Bố đẻ	150.000	4,69%	0	0%	Chuyển nhượng tự do
5	Hoàng Thị Thi	Mẹ đẻ	155.000	4,84%	0	0%	Chuyển nhượng tự do
6	Đào Đức Việt	TVHĐQT - TGD	10.000	0,31%	97.700	3,05%	Nâng tỷ lệ sở hữu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*: Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*):

Công ty đã thực hiện đúng theo các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính / *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*:

Theo ý kiến của Kiểm toán, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế

toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).*

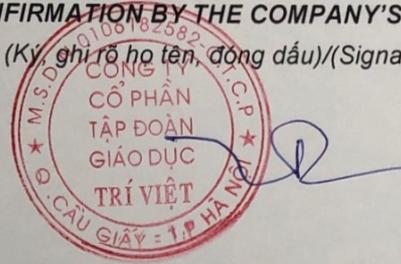
Nơi nhận:

Recipients:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)/(Signature, full name and seal)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGUYỄN THÙY THƯƠNG